

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2022/DS-ST

Ngày: 29-4-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túy Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn
2. Bà Phan Thị Xuân Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 500/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP DA

Địa chỉ trụ sở chính: Số 130, đường PDL, Phường 3, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 398, quốc lộ 22, ấp TL, xã TTH, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc A, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Cử Chi - Ngân hàng TMCP DA. (Theo Quyết định số 534/QĐ-DAB-PC ngày 10/5/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP DA)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Lê Thị Ngọc Tr, chức vụ: Nhân viên. (Theo Quyết định số 10/QĐ-CCI ngày 10/12/2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP DA)

2. Bị đơn: Ông Trương Văn S, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 33/22, Tổ 7, ấp GS, xã TPT, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 20 tháng 08 năm 2020, lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Ngân hàng TMCP DA - có người đại diện theo ủy quyền lại là bà Lê Thị Ngọc Tr trình bày:

Ngày 29/12/2009, ông Trương Văn S có ký hợp đồng đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ tại Ngân hàng TMCP DA với hạn mức thấu chi đề nghị là 3.000.000đ vào số tài khoản thẻ là 0103262186 của của Ngân hàng TMCP DA. Ngày 29/12/2009, trên hệ thống thẻ hiện chủ số tài khoản thẻ 0103262186 có rút số tiền 2.982.700đ. Với hình thức khi rút tiền từ tài khoản thẻ, khi ông S đến kỳ lãnh lương, hệ thống Ngân hàng sẽ trừ số tiền ông S rút ra từ tài khoản thẻ 0103262186. Đến ngày 30/12/2009, Ngân hàng trừ chuyển lương của ông S 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng). Chủ tài khoản thẻ 0103262186 là ông S đã rút hết tiền trong thẻ nhưng do ông S nghỉ việc nên hệ thống Ngân hàng không thể trừ vào lương của ông S được. Từ đó, ông S còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 2.982.700đ (Hai triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm đồng), lãi suất trong hạn là 16,8%/năm ($2.982.700đ \times 16,8\% \times 01 \text{ năm}$) tiền lãi trong hạn tạm tính từ ngày 29/12/2009 đến ngày 29/12/2010 là 505.271đ (Năm trăm lẻ năm nghìn hai trăm bảy mươi một đồng), lãi suất quá hạn là 25,2%/năm ($2.982.700đ \times 25,2\% \times 11 \text{ năm}$) tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 30/12/2010 đến ngày 29/4/2022 là 8.602.154đ (Tám triệu sáu trăm lẻ hai nghìn một trăm năm mươi bốn đồng). Nay yêu cầu ông S trả Ngân hàng số tiền gốc 2.797.806đ (Hai triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm lẻ sáu đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 29/4/2022 là 12.090.125đ (Mười hai triệu không trăm chín mươi nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong tiền vay. Do khi đề nghị vay chỉ có cá nhân ông S ký vay nên Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông S có trách nhiệm trả.

- Bị đơn ông Trương Văn S đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, giấy triệu tập đương sự đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Củ Chi phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không làm ảnh hưởng đến tính khách quan, đúng đắn trong việc giải quyết vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông Trương Văn S có đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi qua tài khoản thẻ ngày 29/12/2009 đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á qua số tài khoản thẻ 0103262186. Sau khi ông S đã rút số tiền 2.982.700đ (Hai triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm đồng) thì ông không thực hiện nghĩa vụ thanh toán lại cho phía Ngân hàng. Đến ngày 29/4/2022, ông S còn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 2.982.700đ (Hai triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm đồng), lãi trong hạn là 505.271đ (Năm trăm lẻ năm nghìn hai trăm bảy mươi một đồng), lãi quá hạn là 8.602.154đ (Tám triệu sáu trăm lẻ hai nghìn một trăm năm mươi bốn đồng). Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 90, 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/A1 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 20/8/2020, Ngân hàng TMCP DA yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết buộc ông Trương Văn S trả số tiền gốc và lãi đã vay theo “Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản (dành cho khách hàng sử dụng dịch vụ chi lương qua Ngân hàng)”, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Trương Văn S có nơi cư trú tại Số 33/22, Tổ 7, ấp GS, xã TPT, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trương Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đến tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng TMCP DA yêu cầu ông S phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP DA tổng số tiền gốc 2.982.700đ (Hai triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm đồng) và lãi phát sinh tạm tính từ ngày 29/12/2010 đến ngày 29/4/2022, trong đó đối với lãi trong hạn là 505.271đ (Năm trăm lẻ năm nghìn hai trăm bảy mươi một đồng), lãi quá hạn là 8.602.154đ (Tám triệu sáu trăm lẻ hai nghìn một trăm năm mươi bốn đồng),

ông S còn phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày 29/4/2022 cho đến khi trả hết tiền cho Ngân hàng, cách thức trả một lần ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Ngày 21/12/2009, ông Trương Văn S có ký hợp đồng đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ tại Ngân hàng TMCP DA với hạn mức thấu chi được phê duyệt là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) vào số tài khoản thẻ là 0103262186 của Ngân hàng TMCP DA mang tên ông Trương Văn S. Các đương sự cũng thỏa thuận mức lãi suất phát sinh. Khi ký hợp đồng tín dụng nêu trên, các bên hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên được điều chỉnh phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động cho vay tiêu dùng.

Sau khi ông S vay, ngày 29/12/2009 trên hệ thống thẻ hiện chủ số tài khoản thẻ 0103262186 có rút số tiền 2.982.700đ (Hai triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm đồng). Với hình thức khi rút tiền từ tài khoản thẻ, ông S đến kỳ lãnh lương, hệ thống Ngân hàng sẽ trừ số tiền ông S rút ra từ tài khoản thẻ 0103262186. Đến ngày 30/12/2009, Ngân hàng trừ chuyển lương của ông S 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng). Như vậy, ông S đã rút tiền trong thẻ được cấp để phục vụ nhu cầu của ông.

Thực hiện hợp đồng, ông S sử dụng số tiền vay có trong tài khoản thẻ 0103262186. Đến ngày 29/12/2010, chủ tài khoản thẻ 0103262186 là ông S đã rút hết tiền trong thẻ nhưng do ông S nghỉ việc nên hệ thống Ngân hàng không thể trừ vào lương của ông S được. Từ thời gian đó đến nay, ông S vẫn chưa thanh toán đủ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết.

Xét thấy, ông S đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng trong khoảng thời gian dài kể từ ngày 29/12/2010 cho đến nay. Ông S đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ ngày 29/12/2009 mà ông S đã ký kết với Ngân hàng TMCP DA. Như vậy, việc ông S chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng TMCP DA đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP DA. Khi ký Hợp đồng đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ ngày 29/12/2009, chỉ có cá nhân ông S ký tên vay, do đó buộc cá nhân ông S chịu trách nhiệm trả tiền cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á theo Hợp đồng đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ ngày 29/12/2009 là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 3, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, 8, 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật

về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP DA nên bị đơn ông Nguyễn Kim S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP DA theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm 604.506đ (Sáu trăm lẻ bốn nghìn năm trăm lẻ sáu đồng) theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 và điểm c, d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP DA, buộc ông Nguyễn Kim S có trách nhiệm phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP DA số tiền nợ gốc 2.982.700đ (Hai triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm đồng) và lãi tính từ ngày 29/12/2010 đến ngày 29/4/2022 với lãi trong hạn là 505.271đ (Năm trăm lẻ năm nghìn hai trăm bảy mươi một đồng), lãi quá hạn là 8.602.154đ (Tám triệu sáu trăm lẻ hai nghìn một trăm năm mươi bốn đồng); tổng cộng: 12.090.125đ (Mười hai triệu không trăm chín mươi nghìn một trăm hai mươi lăm đồng), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ sau ngày 29/4/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Trương Văn S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong “Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản (dành cho khách hàng sử dụng dịch vụ chi lương qua Ngân hàng) ngày 29/12/2009. Trong trường hợp “Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản (dành cho khách hàng sử dụng dịch vụ chi lương qua Ngân hàng) ngày 29/12/2009 các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng

thời kỳ của Ngân hàng TMCP DA thì lãi suất mà ông S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP DA theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP DA .

2. Về án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 604.506đ (Sáu trăm lẻ bốn nghìn năm trăm lẻ sáu đồng) buộc ông S phải chịu.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP DA số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0085007 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân H.CC;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH.CC
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Túy Phượng